

## Giới thiệu tác phẩm Nôm Thập vịnh kệ

ISSN: 2734-9195 08:05 06/07/2026

Văn bản Thập vịnh kệ ở trong số mộc bản Trung tâm tư liệu Phật giáo số hóa tại chùa Đa Bảo, gồm 5 mặt ván khắc trên 3 ván (mặt thứ 6 thuộc về một tên sách khác).

Tác giả: **Phan Anh Dũng**

*Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam*

*Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội*

*Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026*

**Tóm tắt:** Bài viết giới thiệu một tác phẩm chữ Nôm cổ, xuất hiện vào khoảng thế kỷ 17, phát hiện trong kho mộc bản lưu trữ ở **chùa Đa Bảo**.

**Từ khóa:** Mộc bản, Đa Bảo, Thập vịnh kệ, Tỉnh thế thi.

### 1. Giới thiệu văn bản:

Văn bản Thập vịnh kệ ở trong số mộc bản Trung tâm tư liệu Phật giáo số hóa tại chùa Đa Bảo, gồm 5 mặt ván khắc trên 3 ván (mặt thứ 6 thuộc về một tên sách khác). Hiện chúng tôi chưa tìm được bản in và cũng chưa có điều kiện in rập lại ván nên phải sử dụng ảnh chụp ván đã lật thuận để đọc chữ và khảo chú.



Chùa Đa Bảo (Phú Xuyên, Hà Nội) - Ảnh: Suu tầm

Tên sách ở dải gập trang ghi là Thập vịnh kệ - 十 景 偈 còn tên đầy đủ ghi ở tờ thủ là “La Tiên thập vịnh kệ- 十 景 偈 ”, La Tiên tức La Hồng Tiên 洪 仙 (1504-1564), vị trạng nguyên người đời Minh có nhiều trước tác. Nội dung tác phẩm là 10 bài thơ trong tập Tĩnh thế thi- 静 世 诗 của La Hồng Tiên, được diễn ý ra chữ Nôm chứ không phải là dịch sát. Cả phần chữ Hán lẫn chữ Nôm đều làm theo thể thơ 7 chữ luật Đường, cứ một dòng 2 câu chữ Hán lại tiếp theo một dòng 2 câu chữ Nôm đối dịch. Mỗi trang có 8 dòng là trọn một bài kệ có 8 câu chữ Hán và 8 câu Nôm, như vậy 5 tờ 10 trang sẽ có 10 bài kệ, tổng cộng có 80 câu Hán và 80 câu Nôm, mỗi câu 7 chữ vậy có 560 chữ Hán và 560 chữ Nôm, sở dĩ chúng tôi ghi kỹ vậy vì có liên quan việc thống kê từ cổ ở đoạn sau.

Nội dung các bài kệ cả chữ Hán lẫn Nôm đều mang ý ca vịnh cảnh tiêu dao tự tại của người tu hành đạt đạo, mang tinh thần **Tam giáo đồng nguyên**. Phần các bài thơ chữ Hán thì khá phổ thông vì nằm trong số các bài “Tĩnh thế thi - 静 世 诗 ” của La Hồng Tiên, khá nổi tiếng, được lưu truyền nhiều cả ở Trung Quốc lẫn Việt Nam nên có nhiều dị bản, tra trên mạng có nơi chép 22 bài (Link 1) có nơi 25 bài, nhiều nhất là 28 bài (Link 2). Riêng bài số 10 tìm trên mạng không thấy, có thể là của một tác giả khác sáng tác, chính việc nó đặt ở cuối chứ không “lập lò” xếp chen vào 9 bài đầu cũng cho thấy nguồn của nó có thể không phải từ La Hồng Tiên.

Văn từ của phần chữ Nôm khá hay, đúng niêm luật Đường thi, tuy Nôm na bình dân mà vẫn cao đạo chứ không hạ mình tầm thường hóa, như :

*...Gian lều cỏ mặc thân ngang dọc*

*Hé cánh sài xem nước ngược xuôi...*

*...Bằng ai có hỏi chung mùi đạo*

*Rạng nguyệt cao ngang đáy nước sâu...*

## 2. Khảo về tác giả, niên đại và từ cổ ở bản Nôm

Về tác giả và niên đại bản diễn Nôm, ban đầu dựa vào việc trên ván có chữ thì □ là chữ húy đời **vua Tự Đức** nhưng khắc đầy đủ không ký húy (bỏ nét giữa của bộ nhật), chúng tôi ước đoán tác phẩm phải có từ đời Thiệu Trị về trước. Sau khi khảo kỹ phần chữ Nôm có các từ cổ như cốc (biết), cong (trong) thì chúng tôi xác định tác phẩm Nôm này phải cổ hơn nhiều, lên đến tầm TK17, thời Hương Hải Thiên sư hay Chân Nguyên Tuệ Đăng.

Về cách viết chữ Nôm thì do ván được khắc lại **thời Nguyễn** nên có các kiểu viết chữ Nôm muộn, nhưng vẫn có các trường hợp viết theo kiểu cổ như một viết là □ thay vì □, buồn viết □ thay vì ?????. Mà thực ra mức độ cổ của bản Nôm ít phụ thuộc vào cách viết mà phụ thuộc vào số lượng từ cổ và cách nói cổ xuất hiện trong tác phẩm, sau đây là một số cứ liệu thống kê.

-. Liệt kê các từ đơn cổ: Nhỡn (chơi) ; nghỉ (ông ấy); chung (ấy, vậy); đành (hanh, khô); lằm (thay vì dằm); hòa (mà, và); bả (trả); châu/chu (chưa rõ ý); chĩnh (chỉ, thực là); cốc (biết); pho (ngủ pho pho); cong (trong); trầy (đi đến); lòng (ròng, rong); mé (phía, nơi, chốn, nghĩa rộng hơn ngày nay)

-. Liệt kê các từ kép (có thể từng chữ thì không cổ nhưng cách dùng thì cổ): Quơ mình (theo mình); nhàn mầu; ai dẫu; đôn xao; khăng thìn; nhàn nay; cả dám; cánh sài; hằng lể; nhàn nghe; ban rổi (lũ rổi); tốt đon; lọ là; trưng tráo; giấc gây; câu mầu.

-. Một số từ cổ lạ, chưa rõ ý lắm: náu khiên; lương chi; sóc tiết; ủy sao nhiêu.

Vài số liệu so sánh:

-. Từ cốc (biết): gặp 1 lần trong số 80 câu, so với bản Hồng mộng hạnh chỉ gặp 1 lần trong 410 câu, còn Đạt Na thái tử hạnh là 4 trên 934 câu tức 1 trên 237, đây là hai tác phẩm được GS Lê Mạnh Thát nhận định là tác phẩm của Chân Nguyên Tuệ Đăng.

-. Từ cong (trong) gặp 2 lần trên 80 câu tỉ lệ 1/40, trong khi Hồng mộng hạnh không có, còn Đạt Na thái tử hạnh là 3 trên 934 tức 1/311.

- Như vậy nếu cứ nhận định một cách “thuần túy toán học” thì bản Nôm Thập vịnh kệ có tỉ lệ từ cổ cao hơn nên phải có trước thời Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647-1726), có thể là ngang thời Minh Châu Hương Hải (1628-1715) hay thậm chí sớm hơn nữa. Ngoài ra còn có các chứng cứ khác như cách ghi từ “trả” bằng chữ bả 𠄎 không thấy có ở 2 bản của Chân Nguyên, hay tỉ lệ từ lạ nghĩa khá cao, như từ đành (=hanh, khô) khá lạ người viết chưa từng gặp ở bản Nôm nào.

3- Giới thiệu nguyên văn tác phẩm Nôm Thập vịnh kệ 1- Do phạm vi bài viết tập trung giới thiệu tác phẩm Nôm nên không phiên âm và dịch nguyên tác chữ Hán.

2- Nguyên tác chữ Hán vốn có nhiều dị bản, để tiện so sánh xin ghi các dị bản so với một bản chùa Đa Bảo ở ngay cuối dòng sau dấu gạch chéo/ chứ không ghi cuối trang kiểu footnote.

3- Các từ cổ ở bản phiên Nôm được in nghiêng.

𠄎 - Kỳ nhất 𠄎

𠄎𠄎𠄎𠄎 𠄎𠄎

𠄎 /𠄎 /𠄎 𠄎

𠄎𠄎𠄎 /𠄎 /𠄎 𠄎

𠄎𠄎𠄎𠄎 𠄎

𠄎𠄎𠄎𠄎 𠄎 /𠄎

𠄎𠄎𠄎 /𠄎 𠄎 /

𠄎𠄎𠄎 /𠄎𠄎

𠄎𠄎𠄎

Diễn Nôm:

𠄎 ?????????𠄎 ????? 𠄎

𠄎𠄎𠄎

????𠄎 ?????𠄎 ?????𠄎

????𠄎 ?????𠄎???? ?????

𠄎𠄎 ?????𠄎𠄎

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

Nghiệm lại giàu sang ấy sự đời

Ai từng cười hạc nhớn Dương đài

Mười lăm (1) chín được nào lòng ấy

Ba vẹn hai rồi ấy thích vui

Biết ý được mừng cười giới nghĩ (2)

Đà vui dật lạc khổ thân ai

Thôi thôi đã trải cơ lợi vững

Nhàn tựa câu lan khích khích cười

□ □ : Kỳ nhị □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □ /

□ / □ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □

Diễn Nôm:

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

????□□□□□□

□□□ ????□□□

□□□□□□□□

Bồng thuấn quơ (3) mình nghĩ chẳng lâu

Chi hơn tiêu sái thú nhàn mầu

Nửa đời no ấm muôn đời giận

Một kẻ sang yêu mấy kẻ sâu

Đai ngọc kiếm vàng dầu thích hứng

Giày gai gậy trúc mặc ai dầu

Bằng ai có hỏi chưng mùi đạo

Rạng nguyệt cao ngang đáy nước sâu

□□ : Kỳ tam □□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□ /□□□

□□ /□ □ /□□□□

□□□ /□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□ /□□□□□ /□

Diễn Nôm:

????□□ ????□□□

□□ ????□□□□

□□ ?????????□□□

????????□□ □□□□

????□ □□□□□□□□□□□ □□□□

????□□□□□□

□□□□□□

□ □□□□□□□

Vâng chiếu truyền ra mực chữa đành (4)

Lầm mưa (5) trái gió đến kinh thành

Cúi đầu mặt biếng trông đèn ngọc

Rửa gót chân ngưng đập cửa khanh

Nghe luật riêng nhiều vâng luật ít

Chịu ân hòa dễ bả (6) ân nan

Dường nào kíp hãy (7) ngâm tùng bách

Tuy trải sương pha sóc tiết (8) xanh

□□ - Kỳ tứ

□□□□□□

□□□□□□

□□ /□□□□□ □□

□□□□□□ □□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□ □□

Diễn Nôm:

□□□□□□

□□ ?????????□ ?????????

□□□□□□

□□□□□ □□□□

□□□□□□□□ □□□□

□□□□□ □□□□

□□□□□□

□□□□□□

Hễ chẳng đôn xao ắt chẳng buồn

Tùy duyên hai chữ đã trời tròn

Náu khiên (9) nào ích châu (10) đen bạc

Ưu ái khăng thìn đạo sắt son

Sang thế chĩnh xem chòm bọt lớn

Hèn ai hãy ngậm hạt sương con

Làm chi khó khốn đường danh lợi

Đã đoạn thời thôi ấy mấy khôn

□□ : Kỳ ngũ

□□□□□□□□ /□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□ /□□ /□□

Diễn Nôm:

□□□□□□

□□□□□□

????□□    ????□□

□□□□□□

????□    ?????????□□□

□□    ????□□□□

□□□□□□

□□□□□□

Nẻo lợi đường danh thế đã đầy

Kìa ai áo nọp đạo nhàn nay

Gà lông thóc để gần nồi nước

Hạc tại lương chi (11) không kể vầy

Đền tháp trăm năm dường trận gió

Luận đưa sáu ngả tựa bàn tay

Cả dám khuyên ai tìm đường tiện

Mai một thân kia họa dễ thay.



Ảnh minh họa chụp ván từ thủ và từ số 5

□□ : Kỳ lục



□□□□□ /□□ /□□□□

□□□□□□□□ /□

□□□□□□□□

□□ /□□□□□□□□ /□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□ /□

Diễn Nôm:

□□□□□□ □□□□

□□□□□□□□

□ □□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□ □□□□□□□□□□□□□□ □□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□ □□□□

Sự thể bồi bồi bút một ngòi

Được an bàn thạch thú vui chơi

Gian lều cỏ mặc thân ngang dọc

Hé cánh sài xem nước ngược xuôi

Cốc đặc tính nhàn pho giấc tốt

Hằng lễ cơm lặt lấy làm vui

Xưa nay xiết kể tài khanh tướng

Ở lại cong (12) đời được mấy mươi

□□ : Kỳ thất

□□□□□□ /□ /□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□ /□□□□ /□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□ /□□□□□□ /□

□□□□□□

Diễn Nôm:

□ □□□□□ □□□□□□ □□□□

□□□□□□

□□□□□□

□ □□□□□□□ □□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□ □□□□□□ □□□□□□□□

□ □□□□□□□□□□□

Sườn núi nhàn nghe đánh giấc gầy

Khi say tỉnh lại biết rằng say

Kho vàng nào thực riêng mình đấy

Vàng ác khôn tan tóc bạc nay

Dầu có tạc bia không cũng vậy

Hãy xem ban rồi (13) thực hay vay

Biết lòng đã trải thì toan liệu

Vui mé trần gian cũng chẳng hay

□□ : Kỳ bát

□□□□□□ /□□ /□

□□ /□□□ /□□□ /□ /□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□ /□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

Diễn Nôm:

□□ □□□□□□ □□□□

□□□□ □□□□□ □□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□ □□□□□□

□□□□□□ □□□□□□ □□□□□□

□□ □□□□□□ □□□□□ □□□□

□□ □□□□□□□□□□

□□□□□□□□

May rủi nên chẳng vốn ở trời

Tốt đon (14) kiệt lực luống thay người

Ve kia ắt phải tay bọ ngựa

Rắn nọ lăm toan miệng nuốt voi

Sống mãi thuốc đầu hòa lấy mãi

Kể mười ai bán nén vàng mười

Đòi ngày nay có mai cùng có

Nếu chẳng trần ai chẳng lụy ai

□□ : Kỳ cửu

□□□□□□□□

□□□□□□□□ /□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□ /□

Diễn Nôm:

□□□□□ □□□□□

□□□□□□□□□□

□ □□□□□□□ □□□□

□ □□□□□□□ □□□□

□□□□□□□□□□ □□□□ [□□ ]

□□□□□ □□□□□

□□□□□□ □□□□□□□□□□

□□□□□ □□□□□

Lộ là trung tráo (15) nọ nhiều điều

Ngẫm được câu mâu ấy mới yêu

Nếu ít khôn ngoan buồn bã ít

Càng nhiều nơi biết tiếng chê nhiều

Giàu sang khánh tạ đèn lồng trầy (16)

Trọng vọng xem như sóng bể reo

Lẻ ắt muốn giàu giàu được đấy

Cầm bằng được đấy, ủy sao nhiều□□ : Kỳ thập.

(Tra nguyên tác của La Hồng Tiên không có, có lẽ là bài họa của vị khác).

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

□□□□□□□□

Diễn Nôm:

????□ ????□□□ ????□

[□ + □ ]????□□□□ ????□

□□□□□□ ????□

????□□□□□□

????□□□□□□

□□□ ????□ ?????????

□□□□□□□□

□ ?????□□□□□□

Rùa khoe thiêng xác thỏ khoe lông  
[Trả] cánh xanh vàng hạc đỏ lông  
Hoa có nhị thơm mua cái bướm  
Chim hay tiếng hót mắc then lồng  
Người toan hơn chúng càng thêm ghét  
Ngựa mạnh hay đi lại ruỗi rờng (17) (rong)  
Thà biết chẳng thà thà chẳng biết  
Cong đời dật lạc ấy thông dong  
□ tất (hết).

Tác giả: **Phan Anh Dũng** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

\*\*\*

### **Chú thích:**

(1) Lăm ở đây không phải “năm”, đối với vện ở câu dưới nên hiểu theo nghĩa là “lăm le”, “muốn”.

(2) Nghỉ là đại từ nhân xưng ngôi 3 (người ấy), đối với “ai” ở câu sau cũng chỉ người, “được mừng cười giới nghỉ” nghĩa là được cười vui với giới của ông ấy.

(3) Chữ qua □ đọc âm quơ diễn ý chữ Hán “tùy thân □□” (quơ quanh mình), nếu đọc “qua” là vượt qua thì trái với nghĩa “tùy” là “theo”.

(4) Đành: là từ cổ nghĩa là hanh khô, tiếng Việt có từ “đành hanh”.

(5) Lầm mưa là kiểu nói cổ, thời nay hay nói dầm mưa.

(6) Bả: trả, do cổ âm b-lả.

(7) Chữ Nôm hãy viết kiểu lạ □ .

(8) Sóc tiết hay sáo tiết, là từ cổ chưa rõ nghĩa lắm, nếu là dịch ý tuế hàn (tiết lạnh) thì nên dùng chữ sóc 𠄎 .

(9) Náu khiên 𠄎 𠄎 hay náu nghiên cần khảo thêm ý nghĩa. Phần Hán văn trên một bản là ngữ ngôn 𠄎 𠄎 , nhưng tra nguyên tác

của La Hồng Tiên trên internet còn có dị bản khác là nặc ngôn 𠄎 𠄎 , như vậy có thể náu diễn ý nặc (dấu) còn khiên 𠄎 là đọc trại âm

nghiên, là âm trung cổ của chữ ngôn 𠄎 , theo nhà ngôn ngữ học Vương Lực là \* 𠄎ian.

(10) Châu hay chu 𠄎 : từ cổ chưa rõ ý.

(11) Lương chi 𠄎 𠄎 đối chiếu thì là dịch chữ Hán vô lương 𠄎 𠄎 (không có lương thực).

(12) Cong: một dạng cổ âm của trong (k-long).

(13) Ban rối hay bàn rối là lữ rối, dịch chữ Hán khối lỗi.

(14) Tót đơn: là từ cổ dịch chữ Hán cơ mưu. Có thể hiểu là loay hoay mưu toan gì đó.

(15) Trung tráo: dịch chữ trương la (𠄎 𠄎 -giăng lưới). Chú ý tráo ghi bằng chữ giáo 𠄎 , có thể đọc ra sáo, là một thứ lưới tre.

(16) Đền lòng trảy tức đền cù xoay tròn. Ý nói được rồi lại mất, xoay vòng mãi.

(17) Ruổi rong: rong ghi bằng chữ Nôm “lòng”, nên nghi vấn cổ âm vốn là “ruổi rông”.

### **Tài liệu tham khảo:**

- 1.. Tư liệu một bản chùa Đa Bảo của Trung tâm tư liệu Phật giáo Việt Nam.
- 2.. 𠄎 𠄎 - 𠄎 𠄎 𠄎 𠄎 , Vương Lực “Cổ Hán ngữ tự điển”.
- 3.. Giáo trình Lịch sử ngữ âm tiếng Việt. Nguyễn Tài Cẩn, NXB Giáo Dục, Hà Nội. 1995
- 4.. Từ điển từ cổ . Vương Lực (NXB Đà Nẵng, 2001).
- 5.. Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng. Lê Mạnh Thát. NXB Hồng Đức, 2018.

6.. <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/gioi-thieu-ban-dat-na-thai-tu-hanh-trong-bo-moc-ban-chua-hoe-nhai.html>

7.. <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/ve-bo-moc-ban-hong-mong-hanh-o-chua-hoe-nhai.html>

8.. Link 1 : <https://rsd.amtb.tw/archives/26297> , truy cập ngày 16/05/2026.

9.. Kink 2 : <https://fc.iwant-in.net/?p=13722> , truy cập ngày 16/05/2026.